

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện Bản Chát, thuộc địa bàn xã Mường Than, tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện Bản Chát, thuộc địa bàn xã Mường Than, tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện Bản Chát, thuộc địa bàn xã Mường Than, tỉnh Lai Châu

của Công ty TNHH Hùng Cường tại Văn bản số 16/HC-MT ngày 17 tháng 8 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6207/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện Bản Chát, thuộc địa bàn xã Mường Than, tỉnh Lai Châu (*sau đây gọi là Dự án*) của Công ty TNHH Hùng Cường (*sau đây gọi là Chủ dự án*) thực hiện tại xã Mường Than và xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai danh sách Hội đồng thẩm định và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Mường Than, Than Uyên; Giám đốc Công ty TNHH Hùng Cường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- UBND các xã: Mường Than, Than Uyên;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- VP UBND tỉnh: V1, CB, HCC;
- Lưu: VT, Kt7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG TẠI KHU VỰC LÒNG HỒ THỦY ĐIỆN BẢN CHÁT,
THUỘC ĐỊA BÀN XÃ MƯỜNG THAN, TỈNH LAI CHÂU**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện Bản Chát, thuộc địa bàn xã Mường Than, tỉnh Lai Châu.
- Địa điểm thực hiện dự án: Khu vực khai thác tại lòng hồ thủy điện Bản Chát thuộc xã Mường Than; bãi tập kết số 01 tại xã Mường Than và bãi tập kết số 02 tại xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Hùng Cường.
- Địa chỉ công ty: Khu 26, xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

1.2. Quy mô, công suất

- Công suất khai thác: 50.000 m³ cát, sỏi nguyên khối/năm.
- Trữ lượng địa chất: trữ lượng cấp 122 là 297.195 m³ (trong đó: sỏi 15.010 m³; cát bê tông 32.524 m³; cát chất 249.661 m³), đã được phê duyệt tại Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Trữ lượng khai thác là 291.251 m³
- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 15,1168 ha (bao gồm: diện tích khu vực khai thác 15 ha; bãi tập kết số 01 và các công trình phụ trợ tại xã Mường Than 0,05243 ha; bãi tập kết số 02 và các công trình phụ trợ tại xã Than Uyên 0,06441 ha). So với Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 (15,094 ha), diện tích tăng 228 m² (0,0228 ha) tại Bãi phụ trợ số 02.
- Thời gian tồn tại của mỏ: 06 năm (bao gồm 0,5 năm xây dựng cơ bản mỏ).

1.3. Công nghệ sản xuất

Công nghệ khai thác: Áp dụng công nghệ khai thác hỗn hợp, sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược kết hợp với thuyền hút, cụ thể:

- Khai thác bằng máy xúc thủy lực gầu ngược theo lớp băng, khai thác từ hạ lưu lên thượng lưu tại khu vực có mực nước < 1m, vận tải bằng ô tô tự đổ về bãi tập kết số 01.
- Khai thác bằng thuyền hút tại khu vực có mực nước ≥ 1m, vận chuyển bằng đường thủy về bãi tập kết số 02.

1.4. Phạm vi

a) Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Khai trường khai thác tại lòng hồ thủy điện Bản Chát, diện tích 15 ha; chiều dài trung bình 1.570 m; chiều rộng trung bình 90 m; cao độ bắt đầu khai thác +475,0 m, cao độ kết thúc khai thác +472,4 m; chiều cao tầng kết thúc trung bình 2,0 m; khai trường cách chân đập thủy điện Bản Chát khoảng 18 km.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án:

- Bãi tập kết số 01 tại xã Mường Than, diện tích 524,3 m², gồm:
 - + Nhà cân - bảo vệ - bán hàng 9 m²;
 - + Trạm cân điện tử 80 tấn 48 m²;
 - + Nhà điều hành, nhà ở, nhà ăn 135 m²;
 - + Nhà vệ sinh chung 16,8 m²;
 - + Kho chứa chất thải nguy hại 13,5 m²;
 - + 02 kho dầu 10 m²;
 - + Kho chứa cát thành phẩm 230 m²;
 - + Khu vực giao thông, sân lưu không 62 m².
- Bãi tập kết số 02 tại xã Than Uyên, diện tích 644,1 m², gồm:
 - + Nhà cân - bảo vệ - bán hàng 9 m²;
 - + Trạm cân điện tử 80 tấn 48 m²;
 - + Nhà vệ sinh chung 16,8 m²;
 - + Kho dầu 10 m²;
 - + Kho chứa cát thành phẩm 386 m²;
 - + Khu vực giao thông, sân lưu không 174,3 m²; hệ thống rãnh thoát nước, bể lắng, bể tự hoại.
- Tuyến đường nội bộ và các tuyến đầu nối từ 02 bãi tập kết ra đường giao thông liên xã, thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi (TCVN 4054:2005).

c) Các hoạt động của dự án:

- Tiến hành xây dựng, lắp đặt các hạng mục công trình phục vụ khai thác, chế biến; công trình phục vụ sinh hoạt công nhân; công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án tại 02 bãi tập kết.
- Khai thác cát, sỏi tại khai trường bằng máy xúc thủy lực gầu ngược, vận chuyển bằng ô tô tự đổ về bãi tập kết số 01.
- Khai thác cát, sỏi tại khai trường bằng thuyền hút, vận chuyển bằng đường thủy về bãi tập kết số 02.

- Sàng phân loại, xúc bốc, vận chuyển tiêu thụ sản phẩm tại 02 bãi tập kết bằng phương tiện vận tải của khách hàng hoặc của dự án.
- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc dự án

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ*).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Các hoạt động của dự án

Công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục thuê đất, phát quang thảm thực vật tại 02 bãi tập kết.

Hoạt động thi công xây dựng cơ bản mở (san gạt mặt bằng bãi tập kết; xây dựng nhà điều hành, nhà ở công nhân, nhà cân, trạm cân, nhà vệ sinh, kho chứa chất thải nguy hại, kho dầu; xây dựng bể lắng, bể tự hoại và hệ thống rãnh thu nước); thi công các tuyến đường đầu nối.

b) Các tác động đến môi trường

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.
- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa thiết bị xây dựng như máy trộn bê tông, xẻng, dụng cụ xây trát,...
- Khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, bụi do hoạt động đào đắp, san gạt.
- Chất thải rắn gồm: sinh khối thực vật phát quang, chất thải rắn xây dựng thông thường.
- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, tác động đến hệ sinh thái; giao thông khu vực; tác động đến sông Nậm Mu, suối Mường Mít trong quá trình tạo diện khai thác ban đầu.
- Các sự cố, rủi ro: Tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; tai nạn giao thông; sự cố sạt lở, sụt lún.

2.2. Giai đoạn hoạt động

a) Các hoạt động của dự án:

Hoạt động khai thác cát, sỏi bằng máy xúc thủy lực gầu ngược và thuyền hút; hoạt động xúc bốc, vận chuyển cát, sỏi sau khai thác về 02 bãi tập kết; hoạt động sàng rung phân loại; xúc bốc, vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ; các hoạt động phụ trợ.

b) Các tác động đến môi trường

- Nước thải từ sinh hoạt của cán bộ, nhân viên tại 02 bãi tập kết và trên thuyền khai thác.

- Nước thải hình thành từ hoạt động khai thác cát, bơm hút lên bãi chứa; nước do tưới ẩm, đập bụi; nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu phụ trợ.

- Chất thải rắn gồm: chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường (cuối sỏi và tạp chất từ quá trình sàng phân loại, cát trôi lấp xuống rãnh thoát nước).

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, tác động đến giao thông đường bộ và giao thông đường thủy nội địa; hệ sinh thái, cảnh quan; tác động đến kinh tế - xã hội; tác động tới chế độ thủy động lực và sạt lở, sụt lún bờ sông Nậm Mu, suối Mường Mít; tác động đến an toàn đập, hồ chứa thủy điện Bản Chát.

- Các sự cố, rủi ro: cháy nổ, tràn dầu; sự cố tuột cáp neo đậu thuyền; sự cố sạt lở, sụt lún bờ sông, suối; va chạm phương tiện thủy.

2.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

a) Các hoạt động của dự án: Tháo dỡ phao tiêu, biển cảnh báo; di chuyển thiết bị ra khỏi khu vực khai thác; tháo dỡ các công trình xây dựng tại 02 bãi tập kết; san lấp bề lũng, bề tự hoại; nạo vét rãnh thoát nước; đánh toi mặt bằng, trồng cây; đo vẽ địa hình đáy sông; đóng cọc tre gia cố bờ sông.

b) Các tác động đến môi trường:

- Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động tháo dỡ công trình, san gạt, vận chuyển.

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ các hạng mục công trình.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; nước thải thi công từ quá trình rửa nguyên vật liệu, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công; nước mưa chảy tràn.

- Quy mô: Nước thải sinh hoạt với lưu lượng 0,6 m³/ngày (24 giờ); nước thải thi công từ quá trình rửa nguyên vật liệu, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công khoảng 01 m³/ngày (24 giờ).

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Nước thải sinh hoạt: Chất rắn

lơ lửng (TSS), BOD5, COD, Amoni, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform; nước thải thi công: độ đục, TSS.

b) Bụi, khí thải:

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đào đắp, san gạt, đào đắp thi công các công trình phụ trợ, bốc xúc, vận chuyển, bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, CO, NO_x, SO₂,...

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂,...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày công nhân thi công trên công trường.

- Quy mô: 4,0 kg/ngày (24 giờ).

- Tính chất: Thành phần gồm các chất hữu cơ, giấy vụn các loại,...

b) Chất thải rắn thông thường

- Nguồn phát sinh: Sinh khối phát sinh từ phát quang; các loại phế thải, vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình xây dựng: gạch, đất, đá vỡ,... Các hạng mục thi công ít, chất thải phát sinh ít, không đáng kể.

- Quy mô: khối lượng chất thải phát sinh khoảng 2-3 kg/ngày

c) Chất thải nguy hại: Không phát sinh chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ các phương tiện, thiết bị, máy móc thi công.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác: Tác động do giải phóng mặt bằng; tác động đến hệ sinh thái; tác động đến giao thông khu vực; tác động chung đến sông Nậm Mu, suối Mường Mít trong quá trình tạo diện khai thác ban đầu.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân; nước thải phát sinh từ hoạt động khai thác cát, bơm hút lên bãi chứa; nước mưa chảy tràn qua khu phụ trợ.

- Quy mô: Nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày (24 giờ); nước thải phát sinh từ hoạt động khai thác cát, bơm hút lên bãi chứa khoảng 12

m³/ngày (24 giờ).

- Tính chất: Nước thải sinh hoạt có Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Amoni, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform; nước mưa chảy tràn có TSS, bùn...

b) Bụi, khí thải:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của phương tiện, thiết bị khai thác (01 thuyền hút, 02 máy xúc, ô tô vận chuyển); từ hoạt động chất tải và dỡ tải tại bãi tập kết; từ hoạt động vận chuyển sản phẩm cát, sỏi đi tiêu thụ.

- Quy mô:

+ Từ thiết bị khai thác: CO 0,056 kg/h; NO_x 0,098 kg/h; SO₂ $7,5 \times 10^{-5}$ kg/h; bụi 0,026 kg/h.

+ Bụi từ quá trình chất tải và dỡ tải khoảng 1,07 kg/ngày (0,133 kg/h).

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, CO, NO_x, SO₂,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, công nhân.

- Quy mô (khối lượng): 10 kg/ngày (24 giờ).

- Tính chất (thành phần): Giấy bìa, rác thải hữu cơ dễ phân huỷ,...

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Cuội, sỏi và tạp chất từ cụm thiết bị sàng rung tại khai trường: khoảng 5.000 m³/năm.

c) Chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng thường xuyên máy móc, thiết bị (thay dầu mỡ động cơ, vệ sinh bộ lọc,...).

- Quy mô (khối lượng): Khoảng 77,83 – 116,43 kg/năm.

- Tính chất (thành phần): Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, ắc quy thải, pin thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị, máy móc khai thác, sàng phân loại và vận chuyển.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới chế độ dòng chảy, khả năng tiêu thoát lũ: Hoạt động khai thác có thể làm thay đổi nhẹ chế độ dòng chảy mùa lũ; các thay đổi chủ yếu tập trung tại vùng khai thác và khu vực ngay sát ranh giới khai thác.

- Tác động do biến đổi địa hình đáy sông: Có nguy cơ xói lở cục bộ tại một số vị trí bờ về phía hạ du khu vực khai thác.

- Tác động đến việc bồi lắng, sạt lở bờ, lòng, bãi sông, suối: Một số vị trí thuộc khu vực khai thác và hai bên bờ sông Nậm Mu, suối Mường Mít có xu hướng xói nhẹ theo hướng dòng chảy.

- Tác động đến sự biến đổi bùn cát: Nồng độ bùn cát có xu hướng tăng nhẹ, quá trình khai thác làm tăng độ đục của nước sông Nậm Mu.

- Tác động đến an toàn đập, hồ chứa thủy điện Bản Chát, Huội Quảng và hoạt động giao thông đường thủy nội địa tuyến Bản Chát - Khau Riêng.

- Ngoài ra, hoạt động khai thác có nguy cơ tác động đến tuyến đường giao thông liên xã Than Uyên - Mường Mít, Quốc lộ 279D, hệ sinh thái, cảnh quan và kinh tế - xã hội của địa phương.

- Sự cố, rủi ro giai đoạn hoạt động: Cháy nổ, tràn dầu; sự cố tuột cáp neo đầu thuyền; sự cố va chạm phương tiện thủy; sự cố sạt lở, sụt lún bờ sông Nậm Mu, suối Mường Mít.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt: Do thời gian thi công xây dựng mở tương đối ngắn nên Chủ dự án sử dụng lao động tại địa phương hoặc thuê nhà dân lân cận để công nhân sinh hoạt trong thời gian xây dựng. Vì vậy, không phát sinh nước thải sinh hoạt tại khu vực thi công giai đoạn này.

- Nước thải xây dựng: Các hạng mục thi công đơn giản, thời gian ngắn; nước thải được dẫn vào hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tại bãi tập kết số 01: Hệ thống rãnh hở hình thang bao quanh khu phụ trợ, cấu tạo đất đá gốc, kích thước rộng mặt x rộng đáy x sâu = 0,8 m x 0,4 m x 0,4 m, độ dốc 2-3%, chiều dài 150 m; nước thu gom qua 02 hố lắng kích thước 1 m x 1 m x 1 m trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Tại bãi tập kết số 02: Hệ thống rãnh hở hình thang bao quanh khu phụ trợ, cấu tạo đất đá gốc, kích thước rộng mặt x rộng đáy x sâu = 0,8 m x 0,4 m x 0,4 m, độ dốc 2-3%, chiều dài 200 m; nước thu gom được dẫn về bể lắng dung tích 30 m³ trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Thu gom nước mưa chảy tràn và nước thải sản xuất:

+ Sử dụng hệ thống rãnh thu gom nước mưa chảy tràn tại 02 bãi tập kết đã xây dựng ở giai đoạn thi công (bãi tập kết số 01: rãnh dài 150 m và 02 hố lắng 1 m x 1 m x 1 m; bãi tập kết số 02: rãnh dài 200 m dẫn về bể lắng).

+ Bể lắng dung tích 30 m³, chia làm 02 ngăn: ngăn lắng thô kích thước dài x rộng x sâu = 3,0 m x 3,0 m x 2,5 m và ngăn lắng trong kích thước dài x rộng x sâu = 3,0 m x 1,0 m x 2,5 m; bờ ngăn giữa 02 ngăn có kích thước dài x rộng mặt x sâu = 3,0 m x 0,5 m x 2,5 m, mái dốc 1:0,5; thành và đáy bể được lót bê tông đá 1x2 M150.

+ Nước tại ngăn lắng trong đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, được lắp đặt máy bơm để tái sử dụng phục vụ tưới ẩm bãi tập kết và tuyến đường vận chuyển; lượng nước còn lại theo rãnh thoát nước (i = 1,5%) chảy ra sông Nậm Mu.

+ Dòng thải ra môi trường: Nguồn tiếp nhận là sông Nậm Mu; phương thức xả thải: tự chảy, xả mặt. Đoạn sông Nậm Mu tiếp giáp dự án không có công trình thủy lợi nên dự án không xả nước thải vào công trình thủy lợi.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Bố trí tại mỗi bãi tập kết 01 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 3 m³/bể; ngăn thứ ba là ngăn lọc với lớp vật liệu lọc cát, sỏi dày 0,5 - 0,6 m.

+ Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → bể tự hoại 03 ngăn; nước thải tắm giặt sau khi tách rác → đồng hồ đo lưu lượng → bể lắng nước thải sản xuất → sông Nậm Mu.

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Bảng 2, cột B); phương thức xả thải: tự chảy, xả mặt.

+ Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra theo quy định tại khoản 6 Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

+ Nước thải sinh hoạt trên thuyền khai thác: Thu gom vào bể chứa của nhà vệ sinh thể tích khoảng 300 lít; định kỳ khi thuyền cập bờ bố trí công nhân đưa đi xử lý theo quy định.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Tiếp tục sử dụng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và bể lắng đã sử dụng trong giai đoạn vận hành cho đến khi hoàn thành công tác tháo dỡ; sau đó tiến hành tháo khô, san lấp theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này được thu gom, xử lý qua 02 bể tự hoại 03 ngăn tại 02 bãi tập kết trước khi các công trình này được san lấp.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu phải có tấm bạt che phủ bên trên

nhằm hạn chế tối đa tác động do bụi khuếch tán.

- Thường xuyên phun nước dập bụi trên mặt bằng thi công bằng đường ống với tần suất 02 lần/ngày, đặc biệt vào những ngày khô hanh, gió lớn (nguồn nước được bơm hút từ sông Nậm Mu gần khu vực dự án).

- Máy móc, thiết bị phải có đầy đủ lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật; trọng tải xe chở vật liệu xây dựng phải theo đúng quy định.

- Các bãi chứa vật liệu xây dựng như cát, đá, xi măng phải bố trí nơi khuất hướng gió hoặc phủ bạt kín nhằm hạn chế phát tán ra môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên phun nước, tưới ẩm khu vực bãi chứa; bố trí bãi thông thoáng, phân loại công việc đúng theo từng khu vực.

- Tưới nước làm ẩm đường giao thông nội bộ khu vực bến bãi, nhất là vào những ngày khô hanh (tần suất 2 - 4 lần/ngày); bố trí phương tiện giao thông ra vào bến bãi hợp lý, khoa học.

- Khi vận chuyển cát, sỏi từ bến bãi đi tiêu thụ, các phương tiện vận chuyển phải có tấm bạt che phủ; không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe; không sử dụng các phương tiện quá cũ, quá thời gian lưu hành.

- Quy định thời gian vận chuyển từ 8h00-11h00 và 14h00-16h00 hàng ngày nhằm tránh thời gian cao điểm giao thông.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Che chắn bằng bạt hoặc lưới đen xung quanh vị trí thực hiện phá dỡ công trình để ngăn gió tác động vào quá trình phá dỡ và ngăn bụi không phát tán ra môi trường không khí xung quanh.

- Phun nước làm ẩm mặt bằng và hạn chế thi công vào những ngày khô hanh, gió lớn, tần suất 02 lần/ngày và phun nước làm ẩm vật liệu phá dỡ để giảm thiểu bụi phát sinh

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Sinh khối thực vật: Các loại cây thân gỗ, cây ăn quả, cây lúa của người dân sẽ được Chủ dự án thông báo trước 06 tháng để người dân thu hoạch. Khi được thông báo thu hồi đất, các hộ dân tận thu các cành cây to vào mục đích khác nhau (bán thân gỗ to, cành nhỏ làm chất đốt).

Chất thải rắn sinh hoạt: không phát sinh (do thời gian thi công xây dựng mỏ ngắn, Công ty thuê nhà dân lân cận để công nhân sinh hoạt trong thời gian xây dựng).

- Chất thải rắn thông thường: Đất, đá, vật liệu xây dựng rơi vãi được thu gom và sử dụng để san lấp mặt bằng khu vực dự án, các loại phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026).

+ Tại mỗi bãi tập kết bố trí 03 thùng rác dung tích 20 lít/thùng, có nắp đậy kín: 01 thùng màu xanh lam đựng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; 01 thùng màu xanh lá đựng chất thải thực phẩm; 01 thùng màu đen đựng chất thải rắn sinh hoạt khác.

+ Đối với rác thải trên thuyền hút: Bố trí 03 thùng chứa rác dung tích 10 lít/thùng, có nắp đậy kín, phân loại tương tự; rác thải được công nhân thu gom, vận chuyển về khu phụ trợ hàng ngày.

+ Vị trí tập kết tại khu vực nhà kho diện tích 13,5 m² (lát nền xi măng, có mái che). Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải của địa phương với tần suất 02 lần/tuần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Cuội, sỏi và tạp chất từ quá trình sàng phân loại được lưu giữ tại bãi tập kết thành phẩm, tận dụng làm vật liệu kè, gia cố những vị trí có nguy cơ sạt lở hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng theo quy định.

+ Cát trôi lấp xuống rãnh thoát nước và bùn lắng tại bể lắng được nạo vét định kỳ 01 tháng/lần, tận dụng để san gạt, tôn nền hoặc trồng cây xanh khu vực dự án.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Đối với chất thải có thể tái chế, tái sử dụng như sắt, thép, nhựa, tôn... thực hiện thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Đối với gỗ sẽ được tận dụng làm chất đốt.

- Các vật liệu không thể tái sử dụng sau phá dỡ như gạch, đá được thu gom và vận chuyển đi đổ thải theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

Giai đoạn này không phát sinh CTNH nên không bố trí hạng mục lưu trữ.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải nguy hại phát sinh trên thuyền hút cát: Được thu gom, phân

loại, đựng vào các thùng chứa. Chủ dự án trang bị mỗi phương tiện khai thác 03 thùng dung tích 50 lít, dán nhãn phân loại riêng: 01 thùng đựng dầu mỡ thải; 01 thùng đựng giẻ lau dính dầu mỡ; 01 thùng đựng ắc quy thải.

- Chất thải nguy hại tại khu vực phụ trợ: Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 13,5 m² (dài 5,2 m, rộng 2,6 m, cao 3,0 m), tường xây gạch chỉ, vữa vôi, nền đổ bê tông, mái lợp tôn. Sàn kho đảm bảo kín, khít, không thấm, không rò rỉ; cửa kho có gờ cao hơn sàn kho; có biển cảnh báo theo đúng quy định; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng và các yêu cầu khác theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tại kho bố trí 03 thùng dung tích 120 lít, dán nhãn phân loại riêng: 01 thùng đựng dầu mỡ thải; 01 thùng đựng giẻ lau dính dầu mỡ; 01 thùng đựng ắc quy thải.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn xây dựng

- Tổ chức thi công hợp lý, thực hiện việc giám sát thi công chặt chẽ.
- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.
- Các thiết bị, phương tiện vận tải không hoạt động vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm sau 19h.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị máy móc theo định kỳ để hạn chế khả năng gây ồn.
- Tổ chức giờ giấc lao động hợp lý, sắp xếp luân phiên các nhóm thợ phải làm việc thường xuyên ở nơi có độ ồn cao.
- Quy định tốc độ và cấm bóp còi khi xe đi qua những nơi đông dân cư, trường học, trạm y tế,...

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đối với dân cư trong khu vực Công ty cam kết các máy móc gây ồn lớn như các máy móc phục vụ khai thác sẽ không được vận hành vào ban đêm (từ 17h - 5h sáng ngày hôm sau).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Phương án lựa chọn thực hiện

Tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, máy móc, phao tiêu, biển cảnh báo ra khỏi khu vực dự án; đo vẽ địa hình đáy sông khu vực khai trường; tháo dỡ các công trình xây dựng và phủ xanh mặt bằng 02 bãi tập kết; đóng cọc tre gia cố bờ sông phòng chống sạt lở.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Tên công trình	Khối lượng, đơn vị	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai trường mở				
1	Tháo dỡ phao tiêu	08 chiếc	5.044.138	Kết thúc khai thác	1 tháng
2	Tháo dỡ biển cảnh báo	02 chiếc		Kết thúc khai thác	1 tháng
3	Gia cố bờ sông khu vực có nguy cơ sạt lở bằng cọc tre	408 m	155.926.512	Khi bắt đầu khai thác	6 tháng
4	Đo vẽ địa hình đáy sông trong phạm vi khai thác	15 ha	1.996.365	Kết thúc khai thác	3 tháng
II	Cải tạo, phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp				
1	Tháo dỡ các công trình xây dựng trên mặt		28.567.142	Kết thúc khai thác	2 tháng
-	01 Nhà điều hành, nhà ở, nhà ăn	135 m ²			
-	02 Nhà cân, bảo vệ, bán hàng	2 x 9 m ²			
-	02 Nhà vệ sinh	2 x 16,8 m ²			
-	02 Kho dầu; 01 kho chứa CTNH tạm thời	33,5 m ²			
-	02 Trạm cân điện tử 80 tấn	2 x 48 m ²			
2	San lấp bề tự hoại, hồ lắng	33 m ³	9.863.302	Kết thúc khai thác	1 tháng
3	Đánh toi mặt bằng	350,5 m ³	5.551.150	Sau khi tháo dỡ và san lấp	1 tháng
4	Trồng cây (cây keo)	0,1168 ha	21.513.815	Sau tháo dỡ các hạng mục và đánh toi mặt bằng	3 tháng
5	Nạo vét rãnh thoát nước	44,8 m ³	1.299.696	Kết thúc khai thác	1 tháng
III	Cải tạo tuyến đường vận chuyển nội bộ				

1	Nạo vét rãnh thoát nước	4,4 m ³	127.649	Kết thúc khai thác	1 tháng
---	-------------------------	--------------------	---------	--------------------	---------

c) Kế hoạch thực hiện

- Thời điểm thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường là sau khi kết thúc khai thác; riêng hạng mục gia cố bờ sông bằng cọc tre được thực hiện theo tiến độ khai thác từng năm, bắt đầu ngay khi mở đi vào khai thác.

- Công tác chăm sóc, duy trì thảm thực vật được thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ khi hoàn thành trồng cây, bảo đảm cây sinh trưởng ổn định trước khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã Mường Than, Ủy ban nhân dân xã Than Uyên quản lý, sử dụng.

d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường của dự án là: **229.889.769** đồng (*Hai trăm hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng chẵn*).

- Ký quỹ: Căn cứ giấy phép khai thác khoáng sản sau khi được cấp cho dự án, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lai Châu tính toán số tiền ký quỹ lần đầu và hằng năm theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và thông báo cho Chủ dự án đầu tư để thực hiện.

- Việc tính toán số tiền ký quỹ hằng năm có tính tới yếu tố trượt giá do Chủ dự án thực hiện kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lai Châu.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Thời điểm ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Thời điểm ký quỹ lần thứ hai trở đi: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lai Châu.

4.4.2. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở, bờ, bãi suối, hồ chứa và khắc phục đối với hoạt động lấn, lấp suối

- Thực hiện các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Chỉ được triển khai khai thác trong phạm vi và theo đúng nội dung Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện Huội Quảng, Bản Chát số 438/GP-BCT ngày 17/11/2020 của Bộ Công Thương và các văn bản thay thế, điều chỉnh (nếu có); tuân thủ quy định về hành lang bảo vệ hồ chứa, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đập, hồ chứa và các hạng mục công trình gắn liền

với hồ chứa; không làm suy giảm chức năng của hồ chứa; chỉ khai thác phần trữ lượng do bồi lắng.

- Không chế trữ lượng, ranh giới, công suất và độ sâu khai thác theo đúng hồ sơ, giấy phép khai thác khoáng sản được cấp; khai thác theo lớp, theo luồng, không tập trung thiết bị tại một vị trí gây hố xoáy, khuấy động đáy hồ.

- Tuyệt đối không khai thác vào thời điểm mưa lũ lớn khi tốc độ dòng chảy mạnh và xoáy; bảo đảm khoảng cách khai thác so với đường bờ theo đúng quy định; duy trì khả năng thoát lũ của sông, không gây ngập úng bãi, vùng đất ven sông.

- Lắp đặt hệ thống phao neo định vị ranh giới khu vực khai thác (08 chiếc) và 02 biển cảnh báo; phối hợp với cơ quan quản lý đường thủy nội địa thả phao tiêu báo hiệu ranh giới khu vực khai thác và cảnh báo phương tiện thủy theo QCVN 39:2020/BGTVT, bảo đảm không ảnh hưởng đến luồng chạy tàu tuyến đường thủy nội địa địa phương Bản Chát - Khau Riêng đã được công bố tại Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Thực hiện đóng cọc tre gia cố bờ sông với tổng chiều dài 408 m, chiều sâu đóng ngập đất trung bình 4 m theo tiến độ khai thác từng năm; trường hợp phát hiện nguy cơ sạt lở ngoài phạm vi đã tính toán, Chủ dự án phải bổ sung biện pháp gia cố tại vị trí phát sinh.

- Khi phát hiện hiện tượng xói lở, bồi lắng bất thường, phải ngừng ngay hoạt động khai thác tại vị trí đó và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân xã Mường Than, Ủy ban nhân dân xã Than Uyên và Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4.4.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu: Trang bị vật liệu thấm dầu (chăn thấm dầu, thùng chứa) trên các phương tiện khai thác, vận chuyển để thu gom dầu rơi vãi khi xảy ra sự cố, sau đó chuyển về kho chứa chất thải nguy hại. Khi xảy ra sự cố phải dừng ngay toàn bộ hoạt động khai thác cho đến khi sự cố được xử lý hoàn toàn; thực hiện thông báo, xử lý, báo cáo và bồi thường thiệt hại theo quy định.

- Phòng chống sự cố cháy nổ: Bố trí 05 bình bột CO₂ phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và 02 tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy theo quy định; công nhân phải tuân thủ các thao tác kỹ thuật về an toàn cháy nổ, đặc biệt tại khu vực kho dầu.

- Bảo đảm an toàn giao thông đường thủy: Xây dựng phương án phân luồng giao thông, duy trì khoảng cách an toàn giữa thuyền hút và phương tiện lưu thông tối thiểu 70 m; thuyền khai thác phải cấm cờ hiệu, được đăng kiểm theo quy định và trang bị đầy đủ nệm, xích, tời, phao, dây kéo, bình cứu hỏa, đèn hiệu.

- Bảo đảm an toàn tại các khu vực sau khai thác: Tiến hành cấm biển báo nguy hiểm tại các khu vực đã khai thác.

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng bờ bãi suối, hồ

Hoạt động khai thác phải tuân thủ các nội dung quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

Trường hợp xảy ra sự cố sạt lở đường bờ, Chủ dự án phải dừng ngay hoạt động khai thác tại vị trí đó, phối hợp với cơ quan chức năng đánh giá, khắc phục sự cố; đồng thời theo dõi thường xuyên diễn biến dòng chảy và đường bờ để điều chỉnh kịp thời các hoạt động khai thác.

- Đăng ký nhận thông tin điều tiết, xả lũ từ đơn vị quản lý vận hành hồ thủy điện Bản Chát; phân công đầu mối tiếp nhận thông tin và tổ chức trực 24/24 giờ trong mùa mưa lũ; khi nhận thông báo điều tiết, xả lũ phải tạm dừng khai thác, rút thuyền hút, di dời thiết bị, vật tư và neo đậu tại vị trí an toàn theo phương án đã xác định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được thực hiện thành 03 giai đoạn: Giai đoạn triển khai xây dựng dự án, giai đoạn dự án đi vào vận hành và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường nhằm đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường được thực hiện hiệu quả và các tác động xấu đến môi trường đảm bảo được kiểm soát, giảm thiểu.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát chất thải rắn thông thường
 - + Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.
 - + Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác tạm thời.
 - + Tần suất giám sát: Hàng ngày.
 - + Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Giám sát hệ thống thoát nước
 - + Giám sát khả năng thu và tiêu thoát nước của hệ thống rãnh thu thoát nước; khả năng lưu giữ nước của bề lửng; khối lượng bùn lắng cặn trong hệ thống thoát nước.

+ Vị trí giám sát: Rãnh thu thoát nước, bể lắng.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

5.2.2. Giai đoạn hoạt động

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Đối với chất thải rắn thông thường

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Giám sát chất thải rắn nguy hại

+ Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

+ Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian khai thác.

Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Hồ sơ giám sát chất thải được Chủ dự án lưu giữ tại khu vực mỏ, kết quả giám sát được cập nhật trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Giám sát chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn: 04 vị trí gồm bãi phụ trợ số 01, bãi phụ trợ số 02, tuyến đường liên xã Than Uyên - Mường Mít đoạn qua khu dân cư và Quốc lộ 279D đoạn qua khu dân cư; thông số giám sát TSP, tiếng ồn và CO, NO₂, SO₂ khi cần thiết; tần suất 06 tháng/lần; so sánh với QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2025/BNNMT.

- Giám sát diễn biến lòng, bờ, bãi và sạt lở bờ hồ

+ Nội dung giám sát: Đo vẽ địa hình đáy khai trường và các mặt cắt ngang đại diện; đo đặc khoảng cách mép bờ, cao độ; chụp ảnh có định vị tọa độ; ghi nhận diễn biến so với kỳ trước và so với địa hình nền.

+ Vị trí giám sát: Các đoạn bờ có ruộng, nương của người dân và các đoạn bờ đã khoanh định có nguy cơ xói lở; các mặt cắt ngang đại diện khu vực khai trường.

+ Tần suất giám sát: Tối thiểu 02 lần/năm (trước và sau mùa mưa lũ) và ngay sau mỗi đợt mưa lũ lớn.

+ Thành phần tham gia: Đại diện Chủ dự án, đơn vị giám sát, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và trưởng bản; kết quả giám sát được lập thành biên bản và lưu hồ sơ.

- Giám sát hệ thống thoát nước: Giám sát khả năng thu và tiêu thoát nước của hệ thống rãnh, khả năng lưu giữ nước của bể lắng, khối lượng bùn lắng cặn; vị trí tại rãnh thu thoát nước, hố lắng, bể lắng; tần suất hàng ngày.

- Công khai thông tin và giám sát cộng đồng: Công khai tại trụ sở UBND xã Mường Than, UBND xã Than Uyên và nhà văn hóa các bản các thông tin về thời gian được phép khai thác trong ngày và trong năm, sản lượng khai thác, số hiệu phương tiện vận chuyển, kết quả trạm cân và dữ liệu camera giám sát; công bố số điện thoại đường dây nóng và đầu mối tiếp nhận phản ánh; lập sổ theo dõi, xử lý phản ánh; định kỳ hằng năm báo cáo UBND cấp xã về công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

5.2.3. Giám sát giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường

- Đối với khu vực khai trường: Giám sát việc tháo dỡ máy móc, thiết bị khai thác, phao tiêu, biển cảnh báo; giám sát công tác đo vẽ địa hình đáy sông và thi công đóng cọc tre gia cố bờ sông.

- Đối với khu phụ trợ: Giám sát việc tháo dỡ các công trình, máy móc, thiết bị; vận chuyển máy móc, thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi dự án; việc tháo khô, san lấp bể lắng, bể tự hoại, nạo vét rãnh thoát nước, hoàn trả mặt bằng; giám sát việc trồng và chăm sóc cây.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấm mốc, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Chủ dự án thực hiện đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ thủ tục về đầu nối đường giao thông từ 02 bãi tập kết ra đường giao thông liên xã Than Uyên - Mường Mít và Quốc lộ 279D theo quy định của cơ quan có thẩm quyền trước khi thi công tuyến đường lên bãi chứa.

- Chủ dự án có trách nhiệm tổ chức duy tu, sửa chữa tuyến đường giao thông liên xã Than Uyên - Mường Mít, Quốc lộ 279D và các tuyến đường địa phương hiện có khi các tuyến đường này bị hư hỏng, xuống cấp do quá trình hoạt động của dự án.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành dự án.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở bờ sông, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa

hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở bờ sông; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận việc thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mô hình quản lý và bảo đảm nguồn lực tài chính để duy trì, vận hành hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường của dự án, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Phổ biến thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của công nhân viên và cộng đồng về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành dự án.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án trong quá trình khai thác.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của tỉnh Lai Châu.

- Thực hiện lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nhằm bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm chất lượng môi trường trong suốt thời gian hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật và giải quyết các vấn đề phát sinh.

- Thực hiện bồi thường, sửa chữa, khắc phục hoặc xây dựng lại các công trình, tài sản bị hư hỏng do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm bảo vệ môi trường, bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.